

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2024.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Đình Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST-HN, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Tây S, xã Long S, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Tây S, xã Long S, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 21/9/2023, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Bà Hoàng Thị Đ và ông Hoàng Văn L có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và chung sống với nhau từ năm 1989, trên tinh thần tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Đến năm 2002 thì bà Đ cùng ông L đến UBND xã Đắk Sắk để đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà Đ và ông L có 03 con chung là Hoàng Văn Phúc, sinh năm 1991, Hoàng Thị Ng,

sinh năm 1992, Hoàng Văn V, sinh năm 1994, các con đều đã trưởng thành. Bà Đ và ông L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên uống rượu, khi say thì không làm chủ được hành vi, đánh đập vợ con, bản thân ông L cũng không có trách nhiệm với gia đình, một mình bà Đ phải gánh vác, lo toan việc gia đình. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Vì vậy bà Đ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Hoàng Văn L. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 11/3/2024, bà Hoàng Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

2. Theo lời khai của bị đơn trong quá trình tố tụng ông Hoàng Văn L trình bày:

Ông L và bà Đỗ chức đám cưới vào năm 1989, khi cưới thì ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Đến khoảng năm 2003 hoặc năm 2004, thì vợ chồng ông có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil. Hôn nhân giữa ông L và bà Đ là tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Trong thời gian chung sống, ông bà có 03 con chung là Hoàng Văn Ph, sinh năm 1991, Hoàng Thị Ng, sinh năm 1992, Hoàng Văn V, sinh năm 1994, các con đều đã trưởng thành. Bà Đ và ông L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Theo ông L thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Đ đi làm thuê, có tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Ông L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/3/2024, ông Hoàng Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Hoàng Văn L

chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Đ.

Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị Đ được ly hôn với ông Hoàng Văn L.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Đ phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về pháp luật tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, bà Hoàng Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị Đ và ông Hoàng Văn L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện ngày 28/7/2002, bà Đ và ông L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil. Ngày 24/01/2024, bà Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Văn L. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Hoàng Văn L có địa chỉ cư trú tại Thôn Tây S, xã Long S, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: HĐXX nhận định bà Đ và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắc SẮk vào ngày 28/7/2002 được vào sổ đăng ký kết hôn số: 81/2002 thông qua công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã Đắc SẮk số: 04/UBND-TP, ngày 04/01/2024 về việc trong sổ thể hiện 02 công dân Hoàng Văn L và Hoàng Thị Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2002, số đăng ký 81/2002, quyển số 01/2002, trong sổ có đầy đủ chữ ký của hai công dân và trích lục kết hôn số: 08/2024/TLKH-BS, ngày 04/01/2024 do Ủy ban nhân dân xã Đắc SẮk thực hiện. Như vậy, việc ông L và bà Đ đăng ký kết hôn là hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng: Bà Đ cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên uống rượu, khi say thì không làm chủ được hành vi, đánh đập vợ con, bản thân ông L cũng không có trách nhiệm với gia đình, một mình bà Đ phải gánh vác, lo toan việc gia đình còn ông L cho rằng bà Đ sống không chung thủy, có tình cảm với người khác, tuy nhiên ông L không đưa ra được căn cứ chứng minh, mặt khác bà Đ cũng không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông L đưa ra và xác định từ khi vợ chồng sống ly thân thì bà Đ chỉ sống một mình, không chung sống với ai. Bà Đ và ông L đều thừa nhận vợ chồng ông bà sống ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không còn liên lạc với nhau. Như vậy, hôn nhân của bà Đ, ông L đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông L là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Đ về việc ly hôn với ông Hoàng Văn L.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Đ và ông L có 03 con chung là Hoàng Văn Ph, sinh năm 1991; Hoàng Thị Ng, sinh năm 1992 và Hoàng Văn V, sinh năm 1994, các con đều đã trưởng thành, bà Đ và ông L đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Hoàng Thị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Đ được ly hôn với ông Hoàng Văn L.

1.2. Về con chung: Các con chung của bà Đ và ông L đều đã trưởng thành nên không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Bà Hoàng Thị Đ phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai số 0001636 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ý)

Nguyễn Thị Hồng Huệ